

Số: 15/NQ-UBBC

Gia Lai, ngày 18 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc ấn định số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2026 - 2031

ỦY BAN BẦU CỬ TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật số 85/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật số 83/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBBC ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban bầu cử tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban bầu cử tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 8029/UBND-NC ngày 16 tháng 12 năm 2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ấn định số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

1. Số đơn vị bầu cử: 18 (mười tám) đơn vị.

2. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu: 85 (tám mươi lăm) đại biểu.

Danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban bầu cử các xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hội đồng bầu cử quốc gia;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các thành viên Ủy ban bầu cử tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Lưu: Ủy ban bầu cử tỉnh.

**TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH**



Thái Đại Ngọc

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ SỐ LƯỢNG ĐẠI BIỂU ĐƯỢC BẦU
Ở MỖI ĐƠN VỊ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
NHIỆM KỲ 2026 - 2031

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-UBBC
 Ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban bầu cử tỉnh Gia Lai)

Số TT	Đơn vị bầu cử	Số dân (người)	Số đại biểu được bầu	Ghi chú
	TỈNH GIA LAI	3.551.923	85	
I	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 1	252.356	5	Gồm 03 phường, 01 xã
1	Phường Quy Nhơn	128.669		
2	Phường Quy Nhơn Đông	47.738		
3	Phường Quy Nhơn Nam	73.586		
4	Xã Nhơn Châu	2.363		
II	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 2	104.114	3	Gồm 02 phường, 03 xã
1	Phường Quy Nhơn Bắc	46.214		
2	Phường Quy Nhơn Tây	24.865		
3	Xã Vân Canh	13.839		
4	Xã Canh Vinh	16.834		
5	Xã Canh Liên	2.362		
III	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 3	188.478	4	Gồm 05 phường
1	Phường Bình Định	42.574		
2	Phường An Nhơn	49.303		
3	Phường An Nhơn Đông	26.499		
4	Phường An Nhơn Nam	31.738		
5	Phường An Nhơn Bắc	38.364		
IV	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 4	206.413	5	Gồm 10 xã
1	Xã An Nhơn Tây	20.213		
2	Xã Tây Sơn	48.788		
3	Xã Bình Khê	21.711		
4	Xã Bình Phú	23.278		
5	Xã Bình Hiệp	22.447		
6	Xã Bình An	34.045		
7	Xã Vĩnh Thạnh	10.056		
8	Xã Vĩnh Thịnh	10.810		
9	Xã Vĩnh Quang	8.999		
10	Xã Vĩnh Sơn	6.066		



Số TT	Đơn vị bầu cử	Số dân (người)	Số đại biểu được bầu	Ghi chú
V	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 5	214.896	5	Gồm 06 phường
1	Phường Hoài Nhơn	43.225		
2	Phường Tam Quan	24.790		
3	Phường Hoài Nhơn Đông	44.562		
4	Phường Hoài Nhơn Tây	25.503		
5	Phường Hoài Nhơn Nam	32.635		
6	Phường Hoài Nhơn Bắc	44.181		
VI	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 6	186.306	5	Gồm 01 phường, 09 xã
1	Phường Bồng Sơn	41.377		
2	Xã Hoài Ân	34.981		
3	Xã Ân Tường	18.537		
4	Xã Kim Sơn	14.046		
5	Xã Vạn Đức	21.584		
6	Xã Ân Hảo	22.339		
7	Xã An Hòa	14.424		
8	Xã An Lão	10.676		
9	Xã An Vinh	6.541		
10	Xã An Toàn	1.801		
VII	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 7	226.815	5	Gồm 07 xã
1	Xã Phù Cát	51.337		
2	Xã Xuân An	30.403		
3	Xã Ngô Mỹ	25.592		
4	Xã Cát Tiến	33.577		
5	Xã Đề Gi	45.453		
6	Xã Hội Sơn	14.325		
7	Xã Hòa Hội	26.128		
VIII	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 8	211.546	5	Gồm 07 xã
1	Xã Phù Mỹ	28.486		
2	Xã An Lương	38.067		
3	Xã Bình Dương	27.382		
4	Xã Phù Mỹ Đông	43.395		
5	Xã Phù Mỹ Tây	18.502		
6	Xã Phù Mỹ Nam	27.065		
7	Xã Phù Mỹ Bắc	28.649		

Số TT	Đơn vị bầu cử	Số dân (người)	Số đại biểu được bầu	Ghi chú
IX	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 9	220.779	5	Gồm 04 xã
1	Xã Tuy Phước	77.093		
2	Xã Tuy Phước Đông	58.424		
3	Xã Tuy Phước Tây	35.898		
4	Xã Tuy Phước Bắc	49.364		
X	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 10	233.383	5	Gồm 04 phường, 01 xã
1	Phường Pleiku	75.277		
2	Phường Hội Phú	44.160		
3	Phường Diên Hồng	59.179		
4	Phường An Phú	39.541		
5	Xã Gào	15.226		
XI	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 11	159.874	4	Gồm 01 phường, 05 xã
1	Phường Thống Nhất	46.280		
2	Xã Biển Hồ	40.534		
3	Xã Chư Păh	19.116		
4	Xã Ia Khuol	17.120		
5	Xã Ia Phí	23.175		
6	Xã Ia Ly	13.649		
XII	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 12	203.543	5	Gồm 02 phường, 09 xã
1	Phường An Khê	49.756		
2	Phường An Bình	30.459		
3	Xã Cửu An	19.828		
4	Xã Đak Pơ	18.458		
5	Xã Ya Hội	8.701		
6	Xã Kbang	24.810		
7	Xã Kông Bơ La	17.385		
8	Xã Tơ Tung	10.963		
9	Xã Sơn Lang	10.885		
10	Xã Đak Rong	6.294		
11	Xã Krong	6.004		
XIII	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 13	184.701	5	Gồm 01 phường, 08 xã
1	Phường Ayun Pa	26.426		
2	Xã Ia Rbol	10.248		
3	Xã Ia Sao	8.440		

Số TT	Đơn vị bầu cử	Số dân (người)	Số đại biểu được bầu	Ghi chú
4	Xã Phú Túc	36.801		
5	Xã Ia Dreh	16.599		
6	Xã Ia Rsai	22.588		
7	Xã Uar	22.195		
8	Xã Ia Hiao	21.129		
9	Xã Ia Tul	20.275		
XIV	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 14	178.839	5	Gồm 11 xã
1	Xã Chư Prông	33.537		
2	Xã Bàu Cạn	21.876		
3	Xã Ia Boòng	18.642		
4	Xã Ia Lâu	22.754		
5	Xã Ia Pia	19.876		
6	Xã Ia Tôr	17.164		
7	Xã Ia Púch	4.095		
8	Xã Ia Mơ	3.511		
9	Xã Ia Krêl	22.812		
10	Xã Ia Pnôn	5.952		
11	Xã Ia Nan	8.620		
XV	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 15	158.922	4	Gồm 08 xã
1	Xã Ia Grai	24.237		
2	Xã Ia Krái	28.437		
3	Xã Ia Hrug	36.660		
4	Xã Ia Chia	8.828		
5	Xã Ia O	11.099		
6	Xã Đức Cơ	22.940		
7	Xã Ia Dok	17.731		
8	Xã Ia Dom	8.990		
XVI	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 16	235.078	5	Gồm 07 xã
1	Xã Chư Sê	67.946		
2	Xã Bờ Ngoong	30.888		
3	Xã Ia Ko	24.677		
4	Xã Al Bá	17.280		
5	Xã Chư Pưh	33.272		
6	Xã Ia Le	24.240		
7	Xã Ia Hrú	36.775		

Số TT	Đơn vị bầu cử	Số dân (người)	Số đại biểu được bầu	Ghi chú
XVII	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 17	175.505	5	Gồm 10 xã
1	Xã Kông Chro	20.569		
2	Xã Ya Ma	8.845		
3	Xã Chư Krey	9.486		
4	Xã SRó	8.259		
5	Xã Đăk Song	4.793		
6	Xã Chơ Long	7.768		
7	Xã Pờ Tó	14.383		
8	Xã Ia Pa	30.942		
9	Xã Chư A Thai	21.593		
10	Xã Phú Thiện	48.867		
XVIII	ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ 18	210.375	5	Gồm 10 xã
1	Xã Đak Đoa	36.695		
2	Xã Kon Gang	22.253		
3	Xã Ia Băng	30.950		
4	Xã KDang	22.590		
5	Xã Đak Somei	14.429		
6	Xã Mang Yang	28.920		
7	Xã Lơ Pang	17.634		
8	Xã Kon Chiêng	9.927		
9	Xã Hra	14.240		
10	Xã Ayun	12.737		